TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **89**/2018/DS-ST
Ngày: 20/4/2018
V/v tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Nguyễn Thị Mỹ Duyên.
2. Ông Dương Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Y– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2018/TLST-DS ngày 25/01/2018 về tranh chấp*"Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 605/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2018/QĐST ngày 05 tháng 4 năm 2018; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 825/2018/QĐ-CA ngày 18 tháng 4 năm 1018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị B, sinh năm 1969. (Có mặt)
Nơi cư trú: Số 48/2, ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Huỳnh Bé T, sinh năm 1977. (Có mặt)
Nơi cư trú: Số 157/1, ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Trúc H, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Số 157/1, ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Bà H ủy quyền cho ông Huỳnh Bé T tham gia tố tụng tại Tòa án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/11/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị B trình bày:

Vào ngày 01 tháng 11 năm 2016 bà và ông Huỳnh Bé T có tổng kết lại các dây hụi mà ông T đã tham gia chơi với bà thì ông T xác nhận còn nợ bà số tiền là 134.000.000 (Một trăm ba mươi bốn triệu) đồng và ông T đã ký tên vào biên nhận

nợ, ông T có hứa 01 tháng sau sẽ trả cho bà số tiền này nhưng đến nay ông T cũng không trả. Do ông T không thực hiện trả tiền cho bà như đã hứa nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc phải trả vốn và lãi chậm trả cho bà.

Số tiền ông T chơi hụi với bà, ông T thừa nhận đã sử dụng vào mục đích chung của gia đình như nuôi tôm công nghiệp và sinh hoạt chung cho gia đình nên vợ của ông T là bà Nguyễn Thị Trúc H biết việc này.

Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Huỳnh Bé T và bà Nguyễn Thị Trúc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền gốc là 134.000.000 (Một trăm ba mươi bốn triệu) đồng.

Tiền lãi tính lãi từ ngày 01 tháng 12 năm 2016 đến ngày xét xử 20 tháng 4 năm 2018 là 16 tháng 19 ngày, mức lãi 1,6%/tháng. Với số tiền lãi là: 35.661.866 (Ba mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi mốt nghìn, tám trăm sáu mươi sáu) đồng. Nhưng số tiền lãi này bà chỉ yêu cầu ông T, bà H trả 17.000.000 đồng, số lãi còn lại 18.661.866 đồng bà bớt cho ông T, bà H không phải trả. Như vậy tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi mà ông T và bà H phải liên đới trả cho bà là: 151.000.000 (Một trăm năm mươi mốt triệu) đồng. Bà yêu cầu ông T, bà H trả một lần.

Chứng cứ bà cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của bà là 01 Bản chính biên nhận nợ có chữ ký của ông Huỳnh Bé T. Ngoài ra bà không cung cấp chứng cứ gì thêm.

Tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Bé T (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trúc H) và trong quá trình tố tụng ông T trình bày:

Ông thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị Trúc H (vợ ông) hiện nay còn nợ hụi của bà Nguyễn Thị B số tiền gốc 134.000.000 đồng và ông có ký tên xác nhận vào biên nhận nợ do bà B cung cấp. Số tiền ông chơi hụi với bà B là để sử dụng vào mục đích chung của gia đình như nuôi tôm công nghiệp và sinh hoạt chung cho gia đình nên vợ của ông là bà Nguyễn Thị Trúc H đã biết việc này.

Tại phiên tòa ông đồng ý ông và bà H sẽ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền nợ gốc là 134.000.000 đồng. còn số tiền lãi bà B yêu cầu là hợp lý phù hợp với quy định của pháp luật nên ông và bà H sẽ tự nguyện trả số tiền lãi 17.000.000 đồng. Như vậy tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi mà ông và bà H phải liên đới trả cho bà B là: 151.000.000 (Một trăm năm mươi mốt triệu) đồng, nhưng ông yêu cầu bà B cho ông và bà H xin được trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng, trả dần đến khi hết số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục qui định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo qui định tại Điều 70,71,72,73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B buộc ông Huỳnh Bé T và bà Nguyễn Thị Trúc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 151.000.000 đồng (trong đó gốc 134.000.000 đồng, lãi 17.000.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Nguyễn Thị B tranh chấp hợp đồng góp hụi với bị đơn ông Huỳnh Bé T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn Nguyễn Thị B với bị đơn ông Huỳnh Bé T được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Qua tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị B với bị đơn ông Huỳnh Bé T đã thống nhất ông T, bà H còn nợ tiền gốc là 134.000.000 đồng. Còn tiền lãi ông T tự nguyện ông T và bà H trả cho bà B là 17.000.000 đồng, xét thấy đây là việc tự nguyện của ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận phần tiền lãi này. Tại phiên tòa ông T yêu cầu xin được trả dần số tiền nợ gốc + lãi là 151.000.000 đồng, thực hiện trả dần hàng tháng là 1.500.000 đồng, trả đến khi hết nợ, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà B không đồng ý yêu cầu xin trả dần của ông T. Hội đồng xét xử xét thấy do ông T, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà B nên cần buộc ông T, bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền gốc và tiền lãi là 151.000.000 đồng, trả theo yêu cầu của bà B.

Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Huỳnh Bé T, bà Nguyễn Thị Trúc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền gốc và tiền lãi là 151.000.000 (Một trăm năm mươi mốt triệu) đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Huỳnh Bé T, bà Nguyễn Thị Trúc H phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí ông T, bà H phải liên đới nộp (151.000.000đồng x 5%) là: 7.550.000đồng (Bảy triệu, năm trăm năm chục nghìn) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Buộc ông Huỳnh Bé T và bà Nguyễn Thị Trúc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 151.000.000(Một trăm năm mươi mốt triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Bé T và bà Nguyễn Thị Trúc H có nghĩa vụ liên đới nộp: 7.550.000 (Bảy triệu, năm trăm năm chục nghìn) đồng. tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị B được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.089.675 (Bốn triệu, không trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai thu số 0014259, ngày 25 tháng 01 năm 2018.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).